

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26/4/2023

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hòa và ông Nguyễn Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu Q, xã C, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu L, xã T, huyện C, tỉnh P.

(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh P. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy T cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012. Cháu Anh ở cùng chị từ nhỏ đến nay, nguyện vọng của cháu Anh xin được ở với mẹ. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cháu Anh và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Nguyễn Văn C*: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2023 bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh C) trình bày*: Chị T là con dâu, anh C là con trai bà. Chị T và anh C được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã C, huyện C, tỉnh P ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chị T cũng không quay về chung sống cùng anh C nữa. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012. Cháu Anh ở cùng chị T. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh C biết rõ nhưng do anh C bận đi làm không có thời gian đến Tòa án làm việc. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4, *Nguyễn vọng của cháu Nguyễn Thị Ngọc A*: Tại bản tự khai ngày 01/3/2023 cháu Anh đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tạ Xá ngày 27/02/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị T và anh C được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã C, huyện C, tỉnh P ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chị T cũng không quay về chung sống cùng anh C nữa. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012. Cháu Anh hiện ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa không có lý do đã vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu Liên Minh xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh C Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh C và chị T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã C, huyện C, tỉnh P cho đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện C, tỉnh P ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chị T cũng không quay về chung sống cùng anh C nữa. Nay chị T xét thấy T cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C. Phía anh C Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh C có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai 27/02/2023 bà Nguyễn Thị Thiết (mẹ đẻ anh C) xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện C, tỉnh P ở. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh C, chị T được đại diện chính quyền địa phương cung cấp anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện C, tỉnh P ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, chị T cũng không quay về chung sống cùng anh C nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh C và chị T đã mâu thuẫn rất

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Anh đang ở cùng chị T, nguyện vọng của cháu Anh xin được ở với chị T. Xét thấy để ổn định chỗ ăn, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Chương Xá;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền